

Bản án số: 747/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Ngọc Chiến**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Bà Trần Thị N .

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022. Về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1986.(có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 11-10 tầng 12-Khối HQ3, chung cư Hoàng Quân, ấp 3, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 11-10 tầng 12-Khối HQ3, chung cư Hoàng Quân, ấp 3, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2022; bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, ông Trần Văn P trình bày:

Ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn vào năm 2011; theo giấy chứng nhận kết hôn số 08/2011; quyền số 01/2011, ngày 25/01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp.

Thời gian đầu sống chung hạnh P và có 02 con chung tên là Trần Gia Hân, sinh ngày 16/3/2012 và Trần Phương Anh, sinh ngày 11/02/2018. Thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được; nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; cả hai đã sống ly thân từ lâu.

Nay nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên ông P yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: 02 con chung tên là Trần Gia Hân, sinh ngày 16/3/2012 và Trần Phương Anh, sinh ngày 11/02/2018. Ông P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung; bởi lẽ từ trước đến giờ ông là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung, bà N thiếu trách nhiệm trong việc thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông P không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà Nguyễn Thị N vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không tham dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên việc giải quyết vụ án vẫn còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Trần Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà Nguyễn Thị N; bà N có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị N, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà N vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án; ông Trần Văn P có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông P và bà N theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2011; quyền số 01/2011, ngày 25/01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị N là hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn P xác nhận là đời sống chung giữa ông và bà N có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp và không ai còn quan tâm chăm sóc nhau từ lâu.

Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung “*trong quá trình sinh sống tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã không tiếp nhận được đơn yêu cầu hòa giải nên không biết được những thông tin trên giữa ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị N*”. Đồng thời qua lời trình bày của ông P và thực tế cả hai từ lâu không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau thì có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa ông P và bà N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Trần Văn P yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị N là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn P.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Gia Hân, sinh ngày 16/3/2012 và Trần Phương Anh, sinh ngày 11/02/2018, hiện hai con đang ở với ông P. Ông P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung; bởi lẽ từ trước đến giờ ông là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung, bà N thiếu trách nhiệm trong việc thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đồng thời tại bản ghi nhận ý kiến trẻ thì trẻ Gia Hân mong muốn được ở với cha. Ông P không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của ông P là phù hợp, bởi lẽ ông là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con từ nhỏ; Mặt khác, tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ Gia Hân thì mong muốn được sống với cha, đồng thời do cần sự ổn định về tâm sinh lý của hai trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông P.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn P không yêu cầu bà Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà N.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn P khai là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng bà N vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của bà về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung theo chứng cứ và yêu cầu của ông P. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[2.4] Bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bà vẫn vắng mặt. Vì vậy, bà đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Trần Văn P phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; Điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn P đối với bà Nguyễn Thị N.

Ông Trần Văn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị N chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 08/2011; quyển số 01/2011, ngày 25/01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên là Trần Gia Hân, sinh ngày 16/3/2012 và Trần Phương Anh, sinh ngày 11/02/2018 cho ông Trần Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà N.

Bà Nguyễn Thị N có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết; Riêng bà N vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của bà về tài sản chung, nợ chung. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Ông Trần Văn P chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0040575 ngày 15/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự (4);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Cơ quan nơi thực hiện việc
đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Chiến